

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 228/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Phan Thanh Dũng.**
- 2. Ông Lý Hồng Hạnh.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí** – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thanh T**, sinh năm 1963.

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- Bi đơn: Ông **Đặng Văn B**, sinh năm 1966. Vắng mặt tại phiên tòa.

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thanh T trình bày: Bà và ông B qua tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1979 và đã đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô Môn (cũ), nay là xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Ông bà chung sống với nhau có 03 con chung tên Đặng Thị C (nữ), sinh ngày 28/4/1992, Đặng Tấn Đ (nam), sinh ngày 25/3/1993 và Đặng Thị Cẩm T (nữ), sinh ngày 29/12/1994. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Quá trình chung giữa ông bà thường phát sinh mâu thuẫn do ông B có tình cảm khác bên ngoài. Mặc dù bà T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông B vẫn không sửa đổi. Nhận thấy

hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông B. Về con chung: Đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung là không có.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông B, về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Bà T có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp ly hôn”. Loại tranh chấp này thuộc ngành Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: do bị đơn ông Đặng Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B là phù hợp.

[3] Xét thấy giữa bà T và ông B tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do ông B có tình cảm khác bên ngoài. Mặc dù hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay hôn nhân không hạnh phúc nên bà T có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập hợp lệ đối với ông B nhưng ông B vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ ông không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, nếu duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông B.

[4] Về con chung: ông bà chung sống với nhau có 03 con chung tên Đặng Thị C (nữ), sinh ngày 28/4/1992, Đặng Tấn Đ (nam), sinh ngày 25/3/1993 và Đặng Thị Cẩm T (nữ), sinh ngày 29/12/1994, các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận Đơn khởi kiện của bà Trần Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T ly hôn với ông Đặng Văn B.
- Về con chung: Đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.
- Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 015471 ngày 11/02/2020 thành án phí xem như bà T đã nộp xong.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ tiếp theo của ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhân:

- UBND xã T;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Trần Thị Phương Anh